

Bản án số: 223/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương

Bà Lê Thị Minh Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183a/2022/QĐ-ST ngày 15/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Trà M, sinh ngày 31/5/1995 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số nhà 13, đường L, khu Q, phố Đ, Đài Loan.

Chị Trần Thị Trà M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/3/1995; Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (ủy quyền giao và nộp các tài liệu với Tòa án; Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2022).

**2. Bị đơn:** Anh Hà Văn T, sinh ngày 28/02/1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh T tại Việt Nam: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, giấy ủy quyền (có chứng thực của Văn phòng kinh tế Việt Nam tại Đài Bắc ngày 14/10/2022), nguyên đơn chị Trần Thị Trà M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/4/2014 chị có đăng ký kết hôn với anh Hà Văn T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong khoảng thời gian chung sống cùng anh T, chị nhận thấy rằng chị và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống cũng như cách suy nghĩ, thời gian trôi đi vợ chồng chị ngày càng có khoảng cách đối với nhau, công việc của ai người đầy làm, lo lắng của ai người đầy tự giải quyết, chị và anh không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mâu thuẫn của cả hai phát sinh từ trước khi cả hai cùng sang Đài Loan lao động. Đã nhiều lần chị viết đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại thôi vì thương con. Khoảng năm 2017 sau khi chị và anh T cùng nhau sang Đài Loan làm ăn kinh tế thì cả hai phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi chuyện trong gia đình và thường xuyên xảy ra tranh chấp. Hiện tại cả hai vợ chồng đang sinh sống tại Đài Loan và ly thân cách đây 4 năm, cũng vì con mà chị tiếp tục cuộc hôn nhân này nhưng đến nay chị không thể chịu được cuộc hôn nhân này nữa. Đã nhiều lần chị liên lạc với anh T để giải quyết việc ly hôn nhưng anh T trốn tránh cố tình không hợp tác, gây khó khăn cho chị và cắt đứt liên lạc với chị nhưng anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình anh ở Việt Nam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho chị được ly hôn anh Hà Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Hà Trần Bảo T, sinh ngày 18/11/2014. Hiện nay cháu đang ở cùng bà Ngoại (mẹ đẻ của chị) là bà Lê Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do điều kiện chị đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm con nên chị đề nghị Tòa án tạm giao con chung cho bà Lê Thị T (là mẹ đẻ chị) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị đề nghị một việc như sau: Hiện nay chị đang lao động ở Đài Loan, công việc của chị bên này bận rộn và chị không có điều kiện về nước để giải quyết ly hôn với anh Hà Văn T, chị đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án, các phiên hòa giải tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử. Do không thu thập được địa chỉ của anh T ở Đài Loan nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thu thập chứng cứ là địa chỉ của anh T tại Đài Loan để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/3/1995; Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, đại diện thay mặt chị giao và nhận hoặc ký và nộp các văn bản giấy tờ hoặc các nghĩa vụ tài chính và thực hiện các quyền nghĩa vụ của chị liên quan

đến việc giải quyết ly hôn giữa chị và anh Hà Văn T tại các cơ quan có thẩm quyền.

*Anh Hà Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 02/11/2022 và 11/11/2022, ông Hà Văn M là bố đẻ anh Hà Văn T cung cấp anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về hôn nhân của anh T, chị M ông cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị M về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh T, chị M cùng đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, sau khi sang Đài Loan thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Ông có khuyên bảo anh, chị nhưng không được. Anh T, chị M có 01 con chung là cháu Hà Trần Bảo T, sinh ngày 18/11/2014. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà Lê Thị T là bà ngoại. Về tài sản chung, công nợ của anh T, chị M ông không nắm được. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T (là mẹ đẻ chị Trần Thị Trà M) trình bày:* Anh T, chị M được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh T làm dâu và chung sống hòa thuận bên gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh T, chị M cùng đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan thì thấy anh T, chị M nói có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì bà không nắm được. Bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống và cùng chăm sóc con nhưng không được. Anh T, chị M có 01 con chung là cháu Hà Trần Bảo T, sinh ngày 18/11/2014, hiện nay cháu đang ở cùng bà. Bà đồng ý nuôi cháu T cho chị M trong thời gian chị M đi lao động tại Đài Loan. Bà nhận thấy đây là nghĩa vụ của mình đối với cháu nên không yêu cầu chị M, anh T phải trích trả tiền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Tài sản chung, công nợ của anh, chị bà không rõ.

*Cháu Hà Trần Bảo T trình bày:* Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà ngoại. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại.

*Tại phiên tòa, Chị Trần Thị Trà M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị Trà M; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Hà Văn T, bà Lê Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử

vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104 khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trà M.

Xử cho chị Trần Thị Trà M được ly hôn anh Hà Văn T.

Về con chung: Do chị M, anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, cháu T đang ở cùng bà Thế. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hà Trần Bảo T, sinh ngày 18/11/2014 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Thế chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị M về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Trà M là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan (Có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc). Anh T là bị đơn hiện đang lao động tại nước ngoài theo Công văn trả lời số 23764/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh T xuất cảnh lần gần nhất là ngày 13/11/2016, hiện chưa có thông tin nhập. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Trà M khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Chị Trần Thị Trà M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị Trà M.

Đối với bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Hà Văn M (bố đẻ anh T) xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: thôn Chùa, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh T là ông Hà Văn M để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị ông Minh thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” giữa chị Trần Thị Trà M và anh Hà Văn T. Ông M cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Trà M và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/04/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hà Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Trà M với anh Hà Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh T chung sống với nhau hòa thuận một thời gian. Tuy nhiên, năm 2017 chị M và anh T cùng sang Đài Loan lao động. Một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Chị M và anh T đã ly thân khoảng 4 năm và không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Ngoài ra, bà T là mẹ đẻ chị M, ông M là bố đẻ anh T cũng xác định vợ chồng chị M, anh T có mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy vợ chồng chị M, anh T đã từ lâu không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là có căn. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Trà M, xử cho chị M được ly hôn anh T.

[5]. Về nuôi con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Hà Trần Bảo T, sinh ngày 18/11/2014. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà Thế là bà ngoại cháu. Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng nuôi con chung nhưng do chị đang lao động tại nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án tạm giao cho bà Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi chị về Việt Nam sinh sống.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh T, chị M đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu T hiện đang sinh sống cùng bà T, được bà T chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ và bà T nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác, bà T cũng đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho chị M trong thời gian chị M đi lao động tại Đài Loan. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M đối với yêu cầu giao con chung là cháu T cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị M về nước sinh sống là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung và phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh Hà Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Hà Văn T về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Trần Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Trà M, anh Hà Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Trà M được ly hôn anh Hà Văn T.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung là cháu Hà Trần Bảo T, sinh ngày 18/11/2014 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị M đi lao động nước ngoài đến khi chị M về Việt Nam. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:**

Chị Trần Thị Trà M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000661 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trần Thị Trà M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:**

Chị Trần Thị Trà M, anh Hà Văn T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**







